

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN  
TP. ĐÀ NẴNG

Số: 40/2024/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngũ Hành Sơn, ngày 06 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1964. HKTT: Tổ A phường K, quận N, TP Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: 382 N, phường M, quận N, TP . và bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm: 1968. HKTT: Tổ A phường K, quận N, TP Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: 09 H, phường H, quận N, TP ..

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị N kết hôn vào năm 1990 hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận N, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do quan điểm sống của hai bên bất đồng nên thường xuyên xảy ra tranh cãi với nhau dẫn đến mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn như vậy kéo dài tới nay không thay đổi. Nay ông T và bà N xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Ông T và bà N xác định có 01 con chung là Lê Hoàng L, sinh ngày 16/02/1991. Hiện nay con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông T và bà N mỗi người chịu  $\frac{1}{2}$  là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0001682 ngày 05/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, đăng ký ngày 03/4/1990 của Ủy ban nhân dân phường B, quận N, TP Đà Nẵng không còn giá trị).

- Về quan hệ con chung: có 01 con chung là Lê Hoàng L, sinh ngày 16/02/1991. Hiện nay con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có.

**2.** Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông T và bà N mỗi người chịu  $\frac{1}{2}$  là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0001682 ngày 05/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Bắc Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn.  
(theo Giấy CNKH số 13, ngày 03/4/1990).
- Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN**

**Lương Thị Anh**